

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/KDTM-ST

Ngày: 30 - 9 - 2024

"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lanh**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đình Minh Phương**.

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Diễm**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Ngô Thị Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Liêm tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Huỳnh Lệ U** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2024/TLST – KDTM ngày 25 tháng 4 năm 2024 về **"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Liêm giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (N1)**.

Trụ sở chính: số B L, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà **Bùi Thị Thanh H**, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện ủy quyền: Ông **Nguyễn Hữu C** - Chức danh: Trưởng phòng xử lý nợ miền nam - Trung tâm xử lý nợ.

Địa chỉ liên hệ: C H, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông **Nguyễn Hữu C** là:

1. Ông **Trần Hoàng V** - Trưởng bộ phận xử lý nợ - trung tâm xử lý nợ (vắng).

Địa chỉ liên hệ: 12B6 - A N, phường G, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

1.2. Ông **Võ Hoàng N** - chuyên viên xử lý nợ - trung tâm xử lý nợ (có mặt).

Địa chỉ liên hệ: C H, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh **Trương Duy T** – sinh năm: 1991 (vắng).

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 01 năm 2024 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/08/2021 ngân hàng Thương mại cổ phần Q có ký với anh Trương Duy T hợp đồng hạn mức cho vay số 314/21/HĐHM-9382 ngày 13/08/2021 theo Đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 001/KUNN/314/21/HĐHM-9382 ngày 13/08/2021. Số tiền vay: 2.460.000.000đ, mục đích vay: thanh toán tiền mua bán trái cây, ngày nhận nợ: 13/08/2021, thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân, ngày đến hạn trả gốc và lãi là ngày 13/8/2022. Lãi suất thả nổi như sau: Lãi suất kỳ đầu tiên: lãi suất vay kể từ ngày giải ngân cho đến ngày 13/11/2021 là: 11,00%/năm, lãi suất kỳ tiếp theo: lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của anh T cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức lãi suất vay bằng (=) Lãi suất cơ sở cộng (+) 3,50%/năm, lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, áp dụng với nợ gốc quá hạn, lãi chậm trả lãi: 10%/năm (365 ngày) tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Ngày 13/08/2021, ngân hàng đã giải ngân, anh T đã nhận nợ toàn bộ số tiền nêu trên theo Đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 001/KUNN/314/21/HĐHM-9382 ngày 13/08/2021.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Để đảm bảo cho khoản vay trên, anh T đã thế chấp tài sản bảo đảm là: Thửa 134, tờ bản đồ số 30, diện tích 100,1m², loại đất ở tại nông thôn và thửa 142, tờ bản đồ số: 30, diện tích 100m²; loại đất ở tại nông thôn, cùng tọa lạc xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cùng do anh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 314/21/HĐTC - 9382 ngày 13/08/2021, được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định và Thỏa thuận tài sản trên đất ngày 13/08/2021.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng, anh T đã thanh toán cho ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 tiền tổng cộng là: 389.082.673đ (từ ngày 14/8/2021 đến ngày 10/8/2022), trong đó: tiền gốc: 0 đồng, tiền lãi: 389.082.673đ và không tiếp tục thực hiện trả nợ theo cam kết. Khoản vay của anh T đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 14/8/2022).

Sau đó ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo, làm việc trực tiếp yêu cầu trả nợ theo đúng quy định nhưng anh T vẫn không thực hiện theo yêu cầu.

Nay Ngân hàng TMCP Q yêu cầu anh Trương Duy T thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q1 tiền tính đến ngày 30/9/2024 là: 3.487.531.282đ, trong đó: Nợ gốc: 2.460.000.000 đồng, nợ lãi: 1.027.531.282đ và yêu cầu anh Trương Duy T tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q1 tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2024 theo mức lãi suất được thỏa thuận trong Hợp đồng hạn mức cho vay số 314/21/HĐHM-9382 ngày 13/08/2021 cùng các Khế ước nhận nợ kèm theo cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp anh Trương Duy T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Q được yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh Trương Duy T vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

Anh T đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa. Xét việc vắng mặt của anh T không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến:** Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Về thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án chưa thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 5, Điều 7, Điều 8, Điều 10, Điều 12, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q do anh Trần Hoàng V và anh Võ Hoàng N làm đại diện theo uỷ quyền.

Buộc anh Trương Duy T phải trả cho Ngân hàng TMCP Q1 tiền tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 3.487.531.282đ, trong đó nợ gốc là 2.460.000.000đ, nợ lãi trên dư nợ gốc là: 35.557.617đ, lãi quá hạn là 984.421.233đ, lãi chậm trả là 7.552.432đ.

Buộc anh Trương Duy T tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng hạn mức cho vay số 314/21/HĐHM-9382 ngày 13/08/2021 cùng các kế ước nhận nợ kèm theo cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp anh T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là thửa 134, tờ bản đồ số 30, diện tích 100,1m², loại đất ở tại nông thôn và thửa 142, tờ bản đồ số 30, diện tích 100m², loại đất ở tại nông thôn, cùng tọa lạc xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cùng do anh T đứng tên

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 314/21/HĐTC - 9382 ngày 13/08/2021, được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định và Thỏa thuận tài sản trên đất ngày 13/08/2021 để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh T vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc anh T chịu 1.800.000đ.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc anh Trương Duy T chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 101.750.625đ.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Ngân hàng TMCP Q có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và anh T. Anh T có nơi cư trú tại ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn anh T đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Q và anh T được ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của các bên.

Nay Ngân hàng TMCP Q yêu cầu anh Trương Duy T thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q1 tiền tính đến ngày 30/9/2024 là: 3.487.531.282đ, trong đó: Nợ gốc: 2.460.000.000 đồng, nợ lãi: 1.027.531.282đ và yêu cầu anh Trương Duy T tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q1 tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2024 theo mức lãi suất được thỏa thuận trong Hợp đồng hạn mức cho vay số 314/21/HĐHM-9382 ngày 13/08/2021 cùng các Khế ước nhận nợ kèm theo cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Ngày 07/8/2024 Tòa án có tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là thửa 134, tờ bản đồ số 30, diện tích 100,1m², loại đất ở tại nông thôn và thửa 142, tờ bản đồ số 30, diện tích 100m², loại đất ở tại nông thôn, cùng tọa lạc xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cùng do anh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên thửa 134 và thửa 142 có một căn nhà cấp 4 trên đất.

Xét thấy tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt không có lý do. Do đó yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q là có cơ sở chấp nhận. Nên buộc anh T có nghĩa vụ

trả lại cho Ngân hàng TMCP Q với số tiền vốn là 2.460.000.000đ, tiền lãi là 1.027.531.282đ, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 3.487.531.282đ.

Ngân hàng TMCP Q được quyền tính lãi liên tục theo hợp đồng hạn mức cho vay số 314/21/HĐHM-9382 ngày 13/08/2021 theo Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 001/KUNN/314/21/HĐHM-9382 ngày 13/08/2021 đối với số tiền vốn là 2.460.000.000đ cho đến khi anh T trả hết số tiền nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

Trường hợp anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền vốn vay còn nợ, lãi trong hạn còn nợ và lãi quá hạn thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên bán đấu giá tài sản theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 314/21/HĐTC - 9382 ngày 13/08/2021, được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định và Thỏa thuận tài sản trên đất ngày 13/08/2021 để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

Tài sản thế chấp là: thửa 134, tờ bản đồ số 30, diện tích 100,1m², loại đất ở tại nông thôn và thửa 142, tờ bản đồ số 30, diện tích 100m², loại đất ở tại nông thôn, cùng tọa lạc xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cùng do anh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên thửa 134 và thửa 142 có một căn nhà cấp 4 trên đất.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 1.800.000đ, buộc anh T phải chịu nhưng Ngân hàng TMCP Q đã nộp đủ nên buộc anh T có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q1 tiền là 1.800.000đ.

[3] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc anh T phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 101.570.625đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 465, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 5, Điều 7, Điều 8, Điều 10, Điều 12, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.

Buộc anh Trương Duy T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Q1 tiền vốn là 2.460.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm sáu mươi triệu đồng), tiền lãi là: 1.027.531.282đ (Một tỷ không trăm hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi một nghìn hai trăm tám mươi hai đồng), tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 3.487.531.282đ (Ba tỷ bốn trăm tám mươi bảy triệu năm trăm ba mươi một nghìn hai trăm tám mươi hai đồng).

Ngân hàng TMCP Q được quyền tính lãi liên tục theo hợp đồng hạn mức cho vay số 314/21/HĐHM-9382 ngày 13/08/2021 theo Đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 001/KUNN/314/21/HĐHM-9382 ngày 13/08/2021 đối với số tiền vốn là 2.460.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm sáu mươi triệu đồng) cho đến khi anh Trương Duy T trả hết số tiền nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

Trường hợp anh Trương Duy T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền vốn vay còn nợ, lãi trong hạn còn nợ và lãi quá hạn thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên bán đấu giá tài sản theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 314/21/HĐTC - 9382 ngày 13/08/2021, được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định và Thỏa thuận tài sản trên đất ngày 13/08/2021 để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

Tài sản thế chấp là: Thửa 134, tờ bản đồ số 30, diện tích 100,1m², loại đất ở tại nông thôn và thửa 142, tờ bản đồ số 30, diện tích 100m², loại đất ở tại nông thôn, cùng tọa lạc xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cùng do anh Trương Duy T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên thửa 134 và thửa 142 có một căn nhà cấp 4 trên đất.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) buộc anh Trương Duy T phải chịu nhưng Ngân hàng TMCP Q đã nộp đủ nên buộc anh Trương Duy T có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q1 tiền là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc anh Trương Duy T phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 101.750.625đ (Một trăm lẻ một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng sáu trăm hai mươi lăm đồng).

Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Q1 tiền tạm ứng án phí 47.579.000đ theo biên lai thu số N^o 0008999 ngày 25/4/2024 tại Cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;

- Các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thị Lanh